

## DI CƯ TỪ VIỆT NAM ĐẾN CỘNG HOÀ LIÊN BANG NGA\*

RIAZANXEP X.V, KUZNHEXOP N.G  
VÀ TRỊNH DUY LUÂN

Theo số liệu của Việt Nam, hiện nay có không dưới 2,7 triệu người Việt Nam sống ở nước ngoài, tại hơn 90 nước trên thế giới. Trong đó khoảng 2/3 người Việt Nam đã là công dân của các quốc gia này. Cộng đồng Việt Nam lớn nhất tập trung ở Mỹ (1,3 triệu người), Pháp (250 nghìn người), Canada và châu Úc (mỗi nơi khoảng 200 nghìn người), Đức, Cam-pu-chia, Thái Lan (mỗi nơi khoảng 100 nghìn người). Trong số đó, cộng đồng người Việt Nam ở Nga có những đặc điểm lịch sử, chính trị xã hội hình thành và phát triển riêng.

### *Lịch sử di dân từ Việt Nam vào Nga*

Người Việt Nam đến Liên Xô từ những năm 20 của thế kỷ XX. Đó là những nhà cách mạng sang học tập ở trường Đại học Phương Đông và các trường Đại học khác vào năm 1925. Đến cuối những năm 30 có khoảng 70 người Việt Nam đã học tập ở Nga, trong số đó có lãnh tụ cách mạng Việt Nam - Chủ tịch Hồ Chí Minh. Một số người đã ở lại Nga đến Chiến tranh Vệ quốc Vĩ đại, tình nguyện tham gia Hồng Quân và hy sinh trong cuộc chiến đấu ở Mátxcova. Liên Xô thiết lập quan hệ ngoại giao với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ năm 1950. Cũng vào thời gian này sinh viên Việt Nam bắt đầu sang Liên Xô.

Những năm 80 của thế kỷ XX do thiếu sức lao động, Liên Xô đã kí kết Hiệp định với Việt Nam đưa công nhân Việt Nam sang lao động. Hiệp định giữa hai Chính phủ được kí kết ngày 02.04.1981 mở đầu cho những làn sóng di dân lao động Việt Nam sang Liên Xô. Theo Hiệp định này Liên Xô đã tiếp nhận 103 nghìn người sang 370 nhà máy thuộc 7 nước cộng hòa xô viết, chủ yếu thuộc Liên bang Nga (chiếm 83%). Ở riêng từng nhà máy người Việt Nam chiếm khoảng 10-15% số lượng công nhân. Lợi ích của hình thức hợp tác này đối với Nga là khá rõ. Thời kì đầu, chỉ có 4 bộ Liên Bang tiếp nhận công nhân Việt Nam, sau một thời gian ngắn đã có tới 30 bộ và ngành tiếp nhận. Đào tạo được tiến hành theo 70 nghề nghiệp. Khoảng 50% công dân Việt Nam làm việc ở ngành công nghiệp nhẹ và dệt may, 15% làm việc ở ngành chế tạo cơ khí, 16% - ngành xây dựng, những người còn lại làm việc trong những nhà máy than, hóa chất và các ngành khác. Cơ cấu ngành và việc làm của người Việt Nam di cư khá ổn định trong suốt giai đoạn tuyển dụng họ ở Liên Xô. Những trung tâm chính tuyển dụng lao động Việt Nam được hình thành ở vùng Trung tâm, vùng Vôn-ga và tây Xi-bê-ri.

---

\* Nghiên cứu được tài trợ bởi của Quỹ Khoa học Nhân văn Nga, dự án 08-03-94833 “Xuất khẩu lao động từ Việt Nam vào Liên bang Nga: Nghiên cứu lí thuyết và thực tiễn để hoạch định chính sách về dân số và nguồn nhân lực”. Các tác giả: GS.TSKH. Riazanxep X.V., Giám đốc Trung tâm nhân khẩu - xã hội học kinh tế, Viện nghiên cứu chính sách xã hội, Viện Hàn lâm khoa học Nga. PGS.TS. Kuznhexop N.G., Trung tâm nhân khẩu - xã hội học kinh tế, Viện nghiên cứu chính sách xã hội, Viện Hàn lâm khoa học Nga.

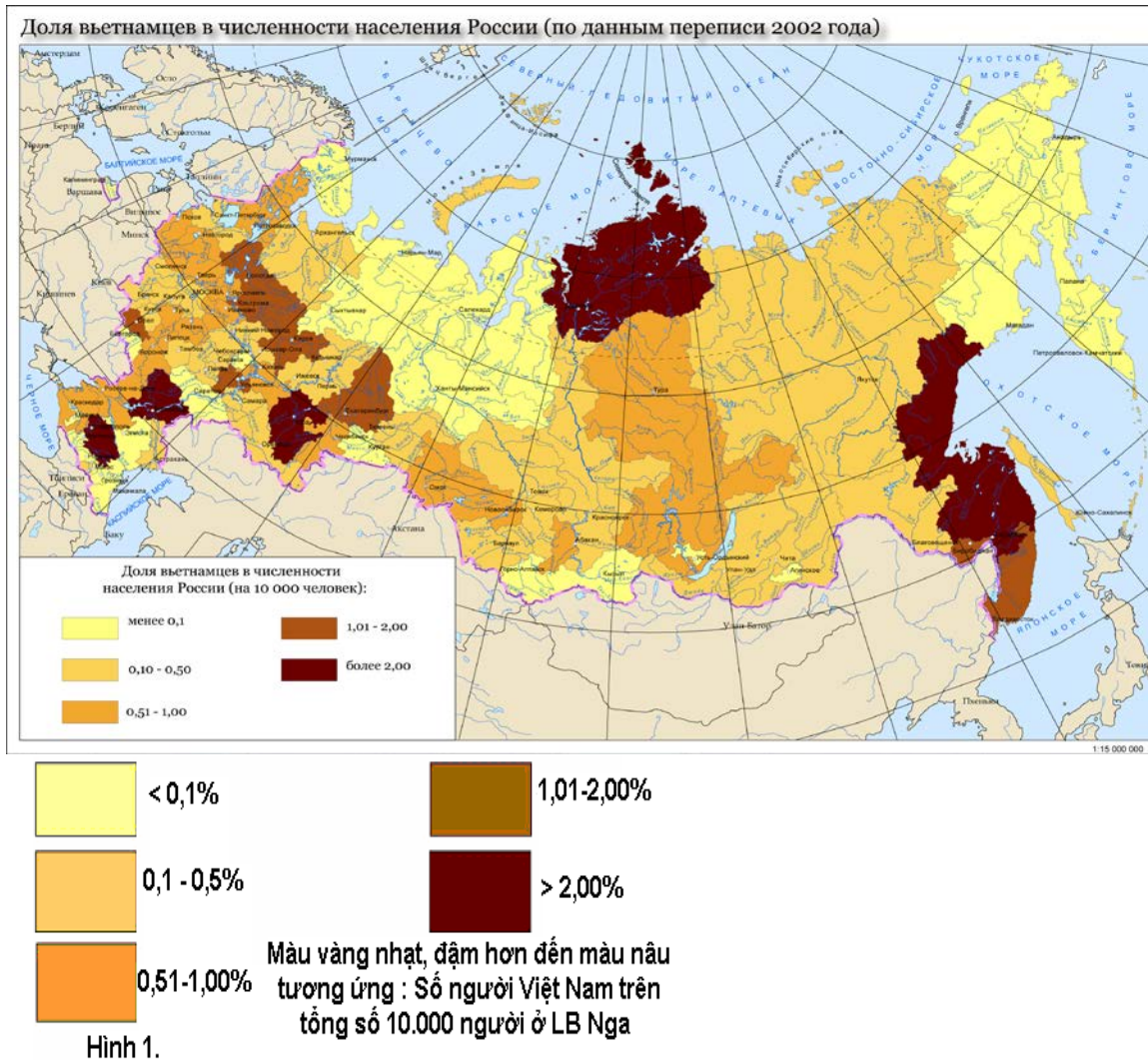
Từ năm 1991, do Liên Xô tan rã, phía Việt Nam ngừng gửi lao động di cư mới. Hợp đồng lao động kết thúc 4 năm đối với phụ nữ và 6 năm đối với nam giới có thể kéo dài thêm không quá một thời hạn, điều này đảm bảo quay vòng cán bộ. Sau khi hết hạn làm việc và kết thúc học tập những người này trở về Việt Nam. Vào năm 1991 ở Liên Xô có khoảng 150 nghìn người Việt Nam. Khi Liên Xô tan rã những người này không có công việc và vốn liếng để sinh sống. Khác với Cộng hòa dân chủ Đức, Nga không mua vé cho họ và giúp họ trở về, cho dù nhiều người không đăng kí lại, và sinh sống bất hợp pháp ở Nga và buộc phải ra chợ buôn bán. Đến đầu năm 1996 người cuối cùng Việt Nam sang làm việc ở các nhà máy đã hết hạn thời gian cư trú, và ở các nhà máy Nga không còn công nhân Việt Nam nữa. Cả hai chính phủ Nga và Việt Nam đã không thực hiện cam kết trả tiền vé cho những người làm việc trở về (hầu hết các nhà máy không có tiền mua vé máy bay về Việt Nam và không có hình phạt nào đối với lãnh đạo các nhà máy này). Cuộc sống bất buộc những người di dân Việt Nam thích nghi với điều kiện mới để tồn tại, sống trong sự sợ hãi và nguy hiểm. Có khoảng 81 nghìn người trở về nước về hình thức, thực tế thì nhiều người trong số họ đã ở lại Nga bất hợp pháp. Ngoài ra, có 17,6 nghìn người công nhân Việt Nam rời khỏi nước Nga không theo Hiệp định, 278 người chết, 81 người vào tù, 93 người đăng kí kết hôn với dân địa phương và nhận quốc tịch Nga. Có thể ước lượng số người không trở về là 10 - 15 nghìn người.

Hiệp định liên Chính phủ lần thứ hai được kí kết ngày 29.09.1992 về nguyên tắc gửi và tiếp nhận công dân Việt Nam sang làm việc ở Nga. Thực chất Hiệp định không được thi hành do những thay đổi cơ cấu trong nền kinh tế Nga, tái tổ chức lại các bộ và ngành. Việt Nam chỉ gửi 1,3 nghìn công nhân sang Nga theo Hiệp định này và từ năm 1994 Việt Nam ngừng gửi công nhân sang Nga. Công nhân Việt Nam cần kí kết hợp đồng lao động với các chủ nhà máy với khối lượng công việc được Bộ quản lí liên bang và các dân tộc cho phép (hiện nay Bộ này không còn ở Nga). Tuy vậy, trong điều kiện thay đổi của nền kinh tế, nhiều nhà máy nơi có công nhân Việt Nam đến làm việc đã đóng cửa. Nhiều người lao động di cư đăng kí hộ khẩu với mục đích làm thẻ để hợp pháp hóa cư trú. Do không có việc làm trong nhà máy công nghiệp, nhiều người Việt Nam đã làm thương mại, kinh doanh.

Hiệp định liên Chính phủ lần thứ ba được kí kết ngày 18.08.2003 về hoạt động lao động tạm thời của công dân Việt Nam ở Nga. Nhược điểm chính của Hiệp định này là không nêu lên số lượng người tiếp nhận. Hiệp định này thừa nhận sự cư trú hợp pháp của công dân Việt Nam sang theo Hiệp định kí ngày 02.04.1981 với điều kiện họ đăng kí ở Đại sứ quán Việt Nam và nhận giấy phép làm việc ở Nga. Phần quan trọng của Hiệp định là quy định cho công dân Việt Nam tự tìm việc trên lãnh thổ Nga (điều khoản 2 biên bản Hiệp định).

Không có số liệu chính xác về số lượng người Việt Nam ở Nga và Cộng đồng các quốc gia độc lập. Theo đánh giá ước lượng, có không dưới 350 - 400 nghìn người Việt Nam ở tất cả các nước cộng hòa Liên Xô cũ. Theo điều tra dân số năm 2002, có 26 nghìn người Việt Nam ở Nga, tuy rằng trên thực tế con số này cao hơn nhiều. Theo

đánh giá của chúng tôi có tới 100 - 150 nghìn người Việt Nam sinh sống ở Nga. Hiện nay phần lớn người Việt Nam sinh sống và làm việc ở Mat-xcơ-va, vùng Xta-vrô-pôn, Bas-kor-tos-tan, Vôn-ga-grat, Xvec-lốp-xcơ, Kha-ba-rôp-xcơ, và các vùng khác. Ở thủ đô có xuất bản báo và tạp chí bằng tiếng Việt, có kênh truyền hình qua vệ tinh chương trình VTV4 cho công dân Việt Nam ở Nga. Người Việt Nam chủ yếu học tập và làm việc trong lĩnh vực thương mại, nông nghiệp, kinh doanh nhà hàng. Phần lớn những người sinh sống và làm việc ở Nga đến từ miền Bắc Việt Nam.



**Hình 1. Phân bố người Việt Nam cư trú ở Nga (theo điều tra dân số năm 2002)**

Việt Nam là đối tác di cư khá quan trọng đối với Nga. Mặc dù quy mô di dân từ Việt Nam hiện nay vẫn chưa rõ, nhưng luồng dân di cư vẫn tiếp tục hình thành. Có thể phân ra một vài luồng di dân chính sau.

***Di cư do du học***

Sau 50 năm hợp tác, các trường đại học Liên Xô và Nga đã đào tạo hơn 70 nghìn

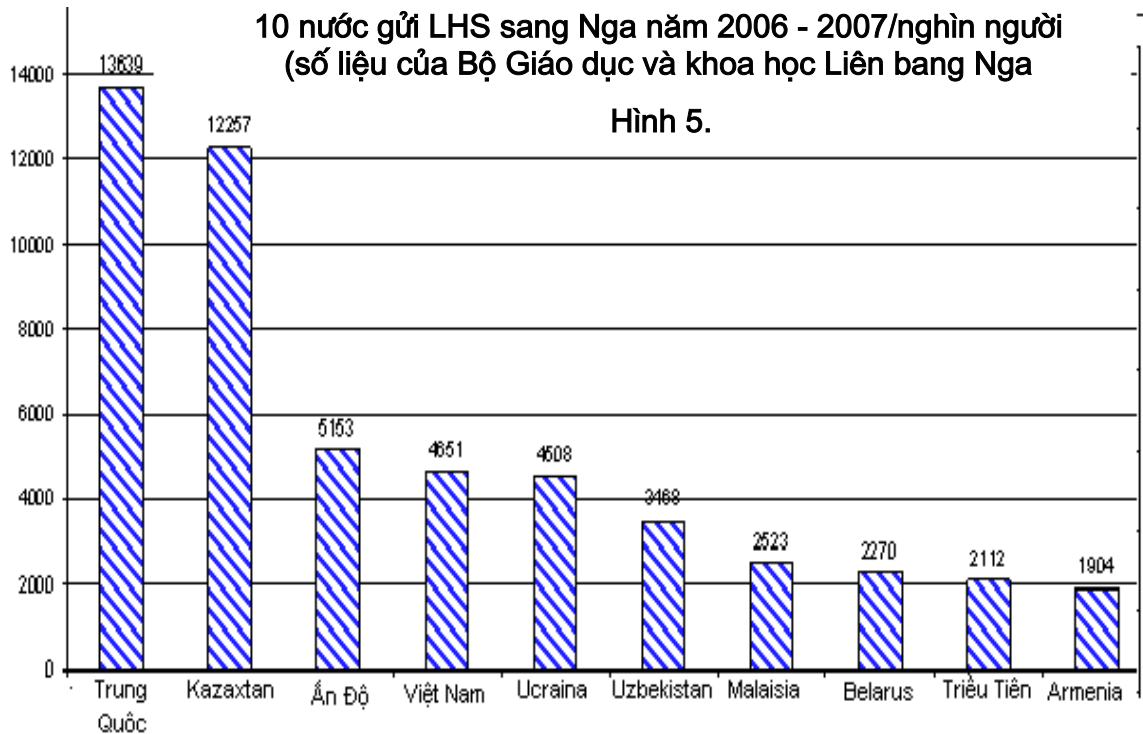
chuyên gia Việt Nam, trong số đó có hơn 30 nghìn người có trình độ đại học, 3 nghìn người có học vị phó tiến sĩ, 200 người có học vị tiến sĩ. Hiện nay nhiều người trong số họ giữ những cương vị cao trong Chính phủ, lãnh đạo các viện khoa học, làm việc trong các trường đại học, cơ quan và công ty nhà nước. Ngày 10.02.1978 giữa hai Chính phủ Liên Xô và Việt Nam đã kí kết Hiệp ước hợp tác đặc biệt trong lĩnh vực này. Ngay lúc Liên Xô sụp đổ ở Nga có khoảng 7 nghìn sinh viên đang học tập. Ngoài ra Liên Xô đã đào tạo 48 nghìn công nhân, kĩ thuật viên có tay nghề cao cho các nhà máy công nghiệp. Dưới sự giúp đỡ của Liên Xô, Việt Nam đã xây dựng được 5 trường đại học, trong đó có trường Đại học Bách khoa Hà Nội. Việt Nam đã xây dựng 12 công trình năng lượng, 4 khu công nghiệp khai khoáng, 13 nhà máy chế tạo cơ khí và hơn 50 công trình lớn công nghiệp hóa chất, vật liệu xây dựng, chế biến thực phẩm, sản xuất nông nghiệp, chế biến dầu khí, giao thông vận tải và thông tin liên lạc.

Tuy nhiên sự sụp đổ của Liên Xô đã làm nước Nga xa cách với Việt Nam, hệ quả là giảm lượng di cư sang học tập ở Nga. Điều này làm giảm sút nhiều mối quan hệ truyền thống giữa các viện và các trường đại học, giảm vai trò tiếng Nga, một phần sinh viên du học từ Việt Nam định hướng sang phương Tây. Theo thông tin của UNESCO, năm 2005 có 15,8 nghìn công dân Việt Nam học tập ở nước ngoài (số lượng này chiếm có 2% số sinh viên trong nước). Sinh viên Việt Nam chủ yếu sang học tập ở Mỹ, Pháp, Úc, Đức và Nhật Bản<sup>1</sup>. Theo số liệu thống kê quốc gia thì số sinh viên Việt Nam học tập ở nước ngoài nhiều hơn - hơn 25 nghìn người.

Theo số liệu của Bộ Giáo dục và đào tạo, Việt Nam hiện nay có khoảng 5 nghìn sinh viên Việt Nam sang học ở 90 trường đại học Nga theo các con đường khác nhau: theo Hiệp định liên kí kết ngày 09.07.2002 giữa hai Chính phủ Nga và Việt Nam (học phí được thực hiện trong khuôn khổ chương trình “trả nợ - giúp đỡ”); bằng kinh phí của Chính phủ Việt Nam (theo chương trình đặc biệt đào tạo cán bộ chuyên ngành cao ở nước ngoài); theo Hiệp ước giữa các trường do Nga cấp hạn ngạch (năm 2007 cấp 210 người học); bằng kinh phí của các công ty Việt Nam, cũng như của các gia đình Việt Nam.

---

<sup>1</sup> Báo cáo toàn cầu về giáo dục năm 2006: So sánh thống kê thế giới về giáo dục. – Montreal: Viện thống kê UNESCO, 2006. – Tr.133.



Theo số liệu của Bộ Giáo dục và khoa học Nga, năm học 2006/2007 sinh viên, nghiên cứu sinh, thực tập sinh Việt Nam sang học tập ở 177 trường đại học Nga, trong đó có khoảng 5 nghìn người học theo hợp đồng (trả tiền) và 1,2 nghìn người nhà nước gửi sang học. Việt Nam đứng thứ tư trong số các nước đưa sinh viên sang Nga học tập. Số lượng sinh viên, thực tập sinh, nghiên cứu sinh tập trung nhiều hơn cả ở Mat-xcơ-va, Xan-Pe-ter-burg, A-xtơ-ra-khan, Vôn-ga-grat, Vôn-rô-ne-giơ, I-rơ-cút-xcơ, Nô-vô-xi-biéc-xcơ, Rô-xtốp trên sông Đôn, Tam-bốp, Tôm-xcơ, Tu-la và một số thành phố khác. Theo các nhà thẩm định Việt Nam, các trường đại học Nga vẫn chưa quảng cáo đầy đủ các dịch vụ của họ ở Việt Nam. Về tiềm năng du học Việt Nam chính phủ Việt Nam đánh giá số lượng thanh niên hàng năm cần đào tạo nghề nghiệp và nâng cao tay nghề là 800 nghìn người.

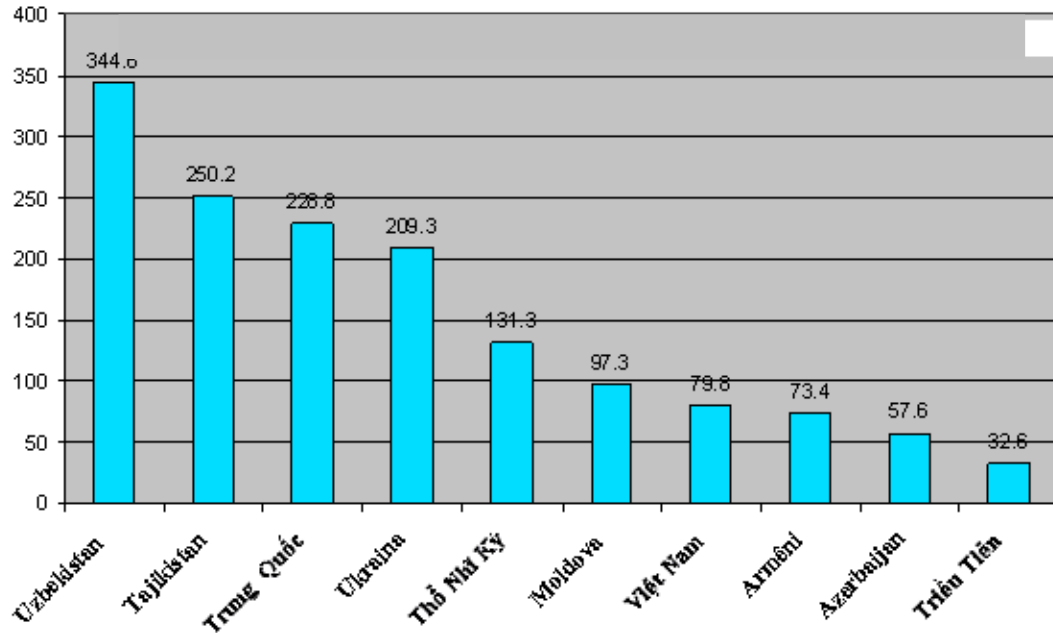
Sự thu hút người Việt Nam sang Nga học tập giảm đáng kể do hiện tượng phân biệt chủng tộc và chủ nghĩa dân tộc ở các thành phố. Theo nhận định của Phó Chủ tịch Hội đồng hương Việt Nam ở Nga, ông Lê Đình Vũ: “Bọn đầu trọc làm u ám khả năng xuất khẩu giáo dục của Nga. Nhiều cha mẹ Việt Nam đã kêu gọi con mình từ Nga trở về và gửi con họ sang học tập ở Úc, tuy tốn kém hơn. Hiện nay chúng tôi có sự lựa chọn cho con học tập: ở Nga, châu Âu, Mỹ hay Úc. Nếu các nhà chuyên môn học đại học ở Nga, thì anh ta sẽ quý trọng văn hóa, khoa học, công nghiệp Nga. Hãy tạo một không khí bình yên, sẽ có 15 nghìn sinh viên Việt Nam đến Nga học tập như ở Úc, hoặc nhiều hơn thế nữa. Thiệt cảm của người Việt Nam đối với người Nga rất lớn, không nên vì tính toán mà vứt bỏ”.

Một phần sinh viên nước ngoài ở lại Nga sau khi tốt nghiệp, điều này làm tăng số dân có khả năng lao động và có học thức cao. Việc không hạn chế sinh con như ở Việt Nam có ảnh hưởng tích cực đến việc ở lại Nga. Sự lựa chọn ngành nghề phong phú: điều khiển học, ngoại giao, kinh tế, địa chất, hàng không, chế tạo ô tô, công nghệ sinh học, sư phạm, y học, văn hóa, nghệ thuật, thiết kế, kiến trúc. Với sự giúp đỡ của Đại sứ quán Việt Nam năm 2007 cuộc điều tra xã hội học đã được tiến hành ở 14 vùng của Nga (Ca-lu-ga, Mat-xcơ-va, Xan-Peter-burg, U-pha, Vô-rô-ne-giơ, Cuốc-xcơ, Sê-li-a-bin-xcơ, Eka-te-rin-burg, Nô-vô-xi-biéc-xcơ, Cra-xnôi-ác-xcơ, I-rơ-cút-xcơ, Si-ta, Kha-ba-rốp-xcơ và Vla-đi-vô-xtóc) đã cho thấy, công dân Việt Nam tán thành đăng kí kết hôn với công dân Nga. Có 7% số người trong số những người phỏng vấn đã đăng kí kết hôn với người Nga, 19% số người mong muốn kết hôn với người Nga trong tương lai. Hơn 30% số người mong muốn con họ sống ở Nga. Sự đối xử của chính quyền và dân địa phương ảnh hưởng đến mong muốn ở lại Nga của họ.

Du học được điều chỉnh theo Hiệp định kí kết ngày 09.07.2002 giữa hai Chính phủ Nga và Việt Nam về học tập của công dân Việt Nam ở các trường đại học Nga (trả tiền học được thực hiện trong phạm vi chương trình “trả nợ - giúp đỡ”). Nga cấp một ít hạn ngạch cho công dân Việt Nam học tập. Chính phủ Việt Nam cấp kinh phí cho sinh viên học tập trong chương trình đặc biệt đào tạo cán bộ lãnh nghề ở nước ngoài. Một vài trường đại học kí kết Hiệp ước trao đổi sinh viên và nghiên cứu sinh. Một số sinh viên Việt Nam học bằng kinh phí của công ty và gia đình. Tuy nhiên, những biện pháp thu hút người du học từ Việt Nam sang Nga, theo chúng tôi, vẫn chưa đủ. Cần tăng cường quảng cáo về giáo dục đại học và trung học chuyên nghiệp của Nga ở Việt Nam. Ngoài ra, do tình hình nhân khẩu của Nga, cần tạo điều kiện nhập tịch Nga cho tất cả những sinh viên, nghiên cứu sinh Việt Nam mong muốn ở lại Nga sau khi tốt nghiệp.

### ***Di dân lao động***

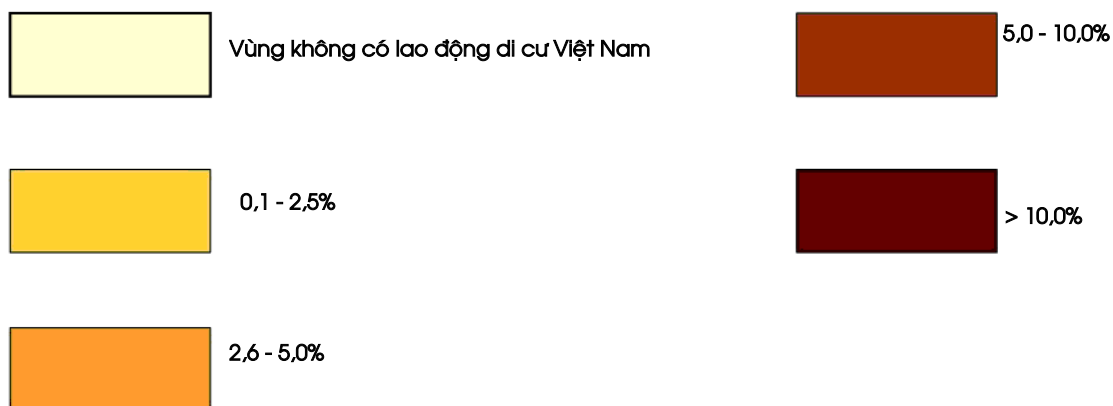
Theo số liệu của Cục Di trú Liên bang Nga, số lượng lao động nước ngoài hợp pháp làm việc ở Nga tăng ổn định: năm 2003 - có khoảng 380 nghìn người, năm 2004 - 460 nghìn người, năm 2005 - hơn 702 nghìn người, năm 2006 - 1.014 nghìn người, năm 2007 - 1.717 nghìn người. Tỷ lệ lao động di cư trên số dân làm việc của Nga tương đối cao - khoảng 1,5%. Việt Nam là nước đứng thứ bảy trong số các nước cung cấp lao động cho nước Nga. Năm 2007 Cục di trú Liên bang Nga cấp khoảng 80 nghìn giấy phép làm việc cho công dân Việt Nam ở Liên bang Nga (so với 42 nghìn giấy phép năm 2004). Lao động Việt Nam chiếm khoảng 4,5% trên tổng số lao động nước ngoài được thu hút vào Nga.



**Hình 2. Lao động các nước ở Nga, năm 2007**

Người di cư lao động Việt Nam chủ yếu tham gia bán buôn và bán lẻ (có khoảng 55 nghìn người năm 2006). Nghiên cứu cho thấy, có sự chuyển đổi hình thức làm việc của công dân Việt Nam theo các hoạt động kinh tế. Nếu như năm 2005 có 85% số người di cư lao động Việt Nam tham gia bán buôn, bán lẻ, thì năm 2007 giảm xuống ít hơn 70%, đồng thời tăng số người làm nghề xây dựng - tăng hơn so với trước 26%, sản xuất chế biến - tăng hơn 18%, nông nghiệp - tăng hơn 34%. Những khu vực chính tập trung lao động di cư Việt Nam là Trung tâm Nga, một số khu vực thuộc vùng U-ran, bắc Cáp-ca-dơ, Viễn Đông.





**Hình 3. Tỷ lệ lao động di cư Việt Nam/Tổng lao động di cư nước ngoài ở Nga (năm 2006)**

Trong quá trình nghiên cứu cộng đồng người Việt trên toàn Liên bang Nga chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu các tổ chức xây dựng của Việt Nam ở Kha-ba-rốp-xcơ, Cra-xnôi-ác-xcơ, Nô-vô-xi-biéc-xcơ, U-pha, các nhà máy nông nghiệp ở vùng Pri-mor-xcơ, vùng Kha-ba-rốp-xcơ, Cra-xnôi-ác-xcơ, Nô-vô-xi-biéc-xcơ và vùng Chi-u-men, Bê-ô-grat, nơi tập trung phần lớn cộng đồng người Việt. Một vài nhà máy chỉ sử dụng lao động Việt Nam, một số nhà máy khác sử dụng cả lao động Nga và lao động Việt Nam. Ví dụ ở ngoại ô Mat-xcơ-va trong tổ hợp nhà kính có cả công dân Việt Nam, Nga, U-dơ-bêk, Môn-đa-ria làm việc. Quá trình thành lập các nhà máy liên doanh vẫn tiếp tục. Ví dụ, nhà máy sản xuất giấy ở thành phố Xu-khi-nhi-tri thuộc vùng Ca-lu-ga năm 2008 thu hút 47 công dân Việt Nam và 64 công dân Nga. Mạng lưới quán ăn, nhà hàng Việt Nam phát triển rộng rãi trong tất cả các thành phố. Các công ty du lịch Việt Nam hoạt động tích cực.

Theo khảo sát các nhà máy Việt Nam trên lãnh thổ Nga, tất cả lãnh đạo nhà máy đều trình bày ý định mở rộng sản xuất và thu hút thêm lao động từ Việt Nam. Doanh nhân Việt Nam Đỗ Văn Vinh từ thành phố Rax-ka-zo-vo thuộc vùng Tam-bốp sẵn sàng tiếp nhận 60 công dân Việt Nam. Nhà máy này may quần áo bảo hộ lao động đặc biệt cho công nhân dầu mỏ với khối lượng lớn. Giám đốc công ty xây dựng ở Kha-ba-rốp-xcơ sẵn sàng tiếp nhận 300 người làm xây dựng. Người lãnh đạo nhà máy liên hợp nông nghiệp ở vùng Cra-xnôi-ác-xcơ sẵn sàng tiếp nhận 200 công dân Việt Nam. Lãnh đạo nhà máy chế biến gỗ Việt Nam ở vùng Cra-xnôi-ác-xcơ sẵn sàng tiếp nhận 40 người để mở rộng sản xuất đồ gỗ Việt Nam.

Thực tế tất cả các nhà máy Việt Nam ở Nga đều thiếu lao động và sẵn sàng tiếp nhận 20 - 30 nghìn người từ Việt Nam. Những nhà máy, nơi chúng tôi đến thăm đều tạo điều kiện sinh hoạt bình thường, quan hệ tốt với các cơ quan thuộc Cục di trú Liên bang Nga và lãnh đạo trong vùng.

Di dân lao động Việt Nam có những đặc điểm khác với di dân từ các nước Xô



Viết cũ. Nếu như những người di cư từ các nước Xô Viết cũ có khả năng thường xuyên về thăm nhà, thì những người di cư từ Việt Nam có kế hoạch và dự định dài hạn, bởi vì chi phí đi lại rất lớn và khả năng trở về nhà ít do công việc ở chỗ mới không thuận lợi. Việc công dân Việt Nam đi sang Nga được cân nhắc kỹ càng, bởi vì kết quả mong đợi cho nhiều thành viên trong gia đình. Sẽ không có cơ sở pháp lí, nếu xem di dân Việt Nam như quá trình tự phát và có khuynh hướng cư trú ngắn hạn. Thực tế việc cấp quyền lao động một năm không áp dụng được với công dân Việt Nam, Cục di trú cần đưa ra những thay đổi phù hợp với thực tế này.

### **Di dân bất hợp pháp**

Việt Nam là một trong số các quốc gia có tỷ trọng số công dân di dân khá lớn trong tổng số công dân nước ngoài di dân sang Nga. Về điều kiện đi lại của công dân Việt Nam sang Nga được thực hiện trên cơ sở Hiệp ước giữa hai Chính Phủ Liên bang Nga và Việt Nam được kí kết ngày 28.10.1993. Theo Hiệp định này, công dân Việt Nam sang Liên bang Nga theo thị thực xuất nhập cảnh. Cộng đồng Việt Nam ở Nga có khoảng 100 nghìn người, trong đó, định cư bất hợp pháp khoảng 50 - 60 nghìn người. Một số công dân Việt Nam cư trú bất hợp pháp ở Nga có mục đích cuối cùng là bí mật qua biên giới Nga-U-crai-na để sang các quốc gia Liên minh châu Âu.

Hình thức vi phạm luật chủ yếu của công dân Việt Nam ở Nga là không tuân thủ trật tự đăng kí di dân khi đi lại hoặc khi lựa chọn nơi ở, cũng như không về nước khi hết thời hạn cư trú. Thứ hai là sử dụng giấy tờ cá nhân giả mạo, của người khác, cũ nát, hoặc không có giấy tờ.

Những người định cư bất hợp pháp từ Việt Nam sang Nga sống trong những điều kiện rất khó khăn. Phần lớn trong số họ muốn trở về nước, sau đó quay lại Nga hợp pháp. Tuy nhiên ít người đủ tiền mua vé máy bay về nước.

### **Điều chỉnh di dân**

Với sự tham gia tích cực của Cục di trú Liên bang Nga một loạt văn kiện đã được ban hành, cho phép điều chỉnh vấn đề di dân lao động hiệu quả hơn. Tháng 10 năm 2008, trong chuyến đi thăm Nga của Phó Chủ tịch nước Việt Nam đã kí kết ba Hiệp định về di dân giữa hai nước.

Hiệp định thứ nhất về lao động tạm thời của công dân Việt Nam ở Nga và công dân Nga ở Việt Nam. Hiệp định này lần đầu tiên thể chế hóa rõ ràng vấn đề thu hút lao động di cư, đảm bảo quyền hạn và tự do của họ. Ngoài ra, cùng với Hiệp định này còn kí kết Nghị định thư cho phép điều chỉnh quy chế người Việt Nam di cư sang lãnh thổ Nga sau khi Liên Xô tan rã, mà đã lâu không có quy chế chính thức. Trong Nghị định thư đưa ra 3 điều kiện: công dân Việt Nam đến Liên Xô làm việc theo Hiệp định 02.04.1981 có thể tiếp tục lao động ở Nga. Họ cần nhận giấy phép làm việc ở Nga (Nghị định thư này ủng hộ thủ tục cấp giấy phép đơn giản); đăng kí di dân theo luật

pháp Nga; đăng kí ở Đại sứ Quán hoặc ở phòng lãnh sự Việt Nam. Cũng như cần thiết có hộ chiếu quốc gia của mình và hoàn thành những điều kiện này trong vòng sáu tháng sau khi giấy tờ có hiệu lực. Theo chúng tôi, Hiệp định này cho phép điều chỉnh quy chế của nhiều người Việt Nam, tạo điều kiện cho họ cảm thấy an toàn trên lãnh thổ Nga.

Hiệp định thứ hai về hợp tác đấu tranh với di dân bất hợp pháp. Trong Hiệp định này thể hiện mong muốn của Nga và Việt Nam thực hiện biện pháp ngăn chặn di dân bất hợp pháp. Một phần di dân từ Việt Nam là bất hợp pháp. Vì vậy, rất quan trọng trong vấn đề này là Nga thành công thuyết phục chính quyền Việt Nam không chỉ có trách nhiệm trong việc phối hợp hành động chống di dân bất hợp pháp, mà còn áp dụng những biện pháp ngăn chặn những dòng di cư này.

Hiệp định thứ ba - Hiệp định về chuyển giao cho cơ quan thẩm quyền của quốc gia những người di cư đang ở trên lãnh thổ của quốc gia khác mà vi phạm pháp luật. Văn kiện này cho phép giải quyết các vấn đề liên quan đến người di cư xuất cảnh bất hợp pháp qua lãnh thổ Nga sang các quốc gia tây Âu. Hướng này của chính sách di cư này có thể gọi là “đột phá” trong quan hệ di cư Việt - Nga

Tất cả những thay đổi trong chính sách nhập cư của Nga đối với Việt Nam đã đóng góp căn bản cho việc hình thành chính sách di cư hiệu quả của Nga, góp phần hình thành hình ảnh tích cực của Nga như là một quốc gia văn minh, biết điều chỉnh các quan hệ di cư có tính đến lợi ích của mình và lợi ích các nước đối tác./.

*Người dịch: Nguyễn Thanh Hương*